CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	14,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,250
SL cổ phiếu LH	162,528,081
KLGD BQ 20 phiên (CP)	842,809
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,316
P/E	6.1
EPS	2,333

	YTD	1T	3T	6T
AGG	-7.8%	-10.1%	-24.2%	-15.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

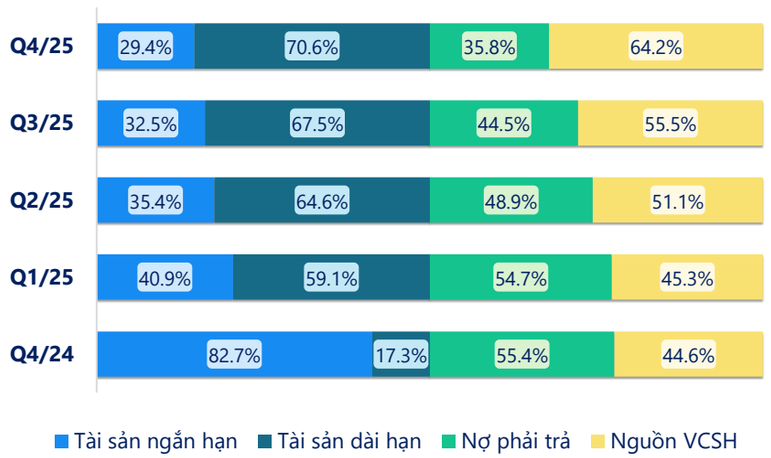

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

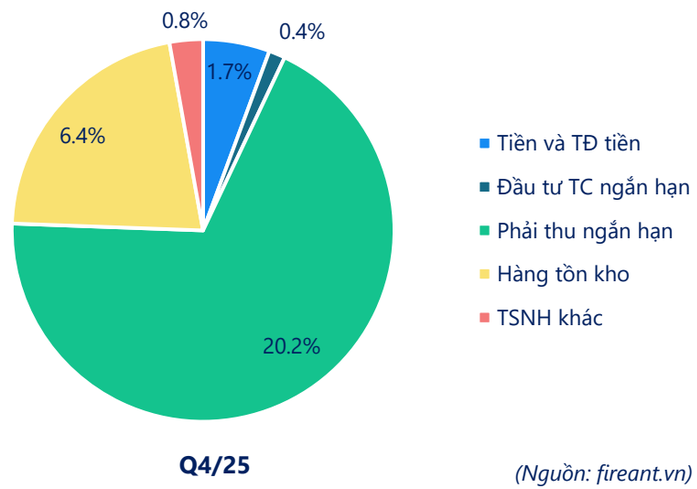

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

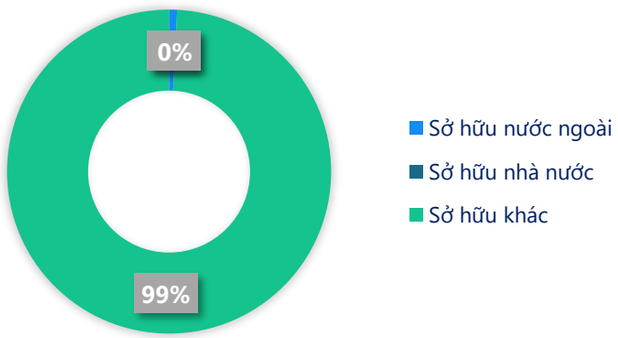

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

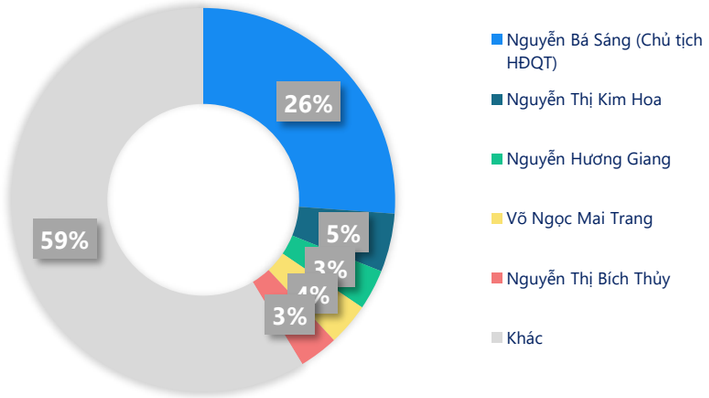

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

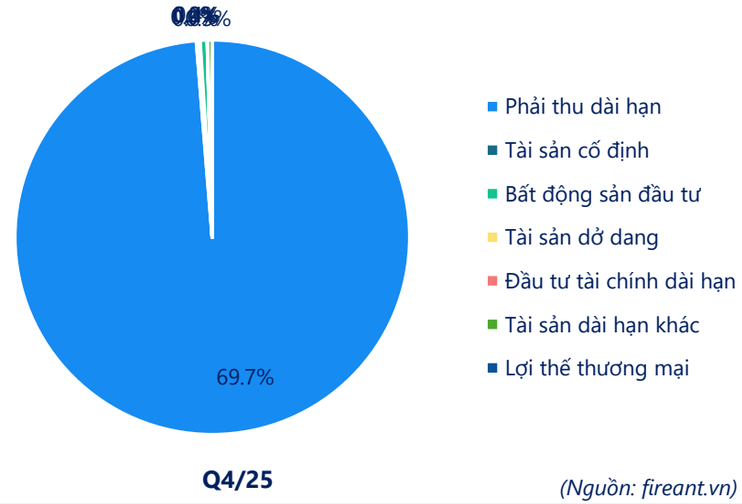

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

Tiền và tương đương tiền

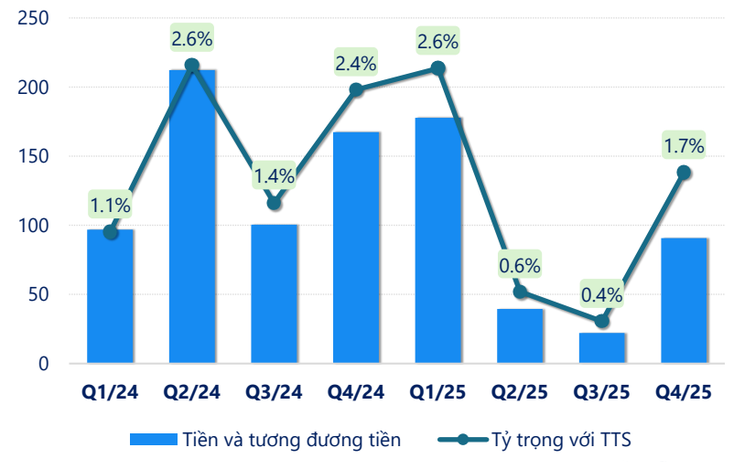

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

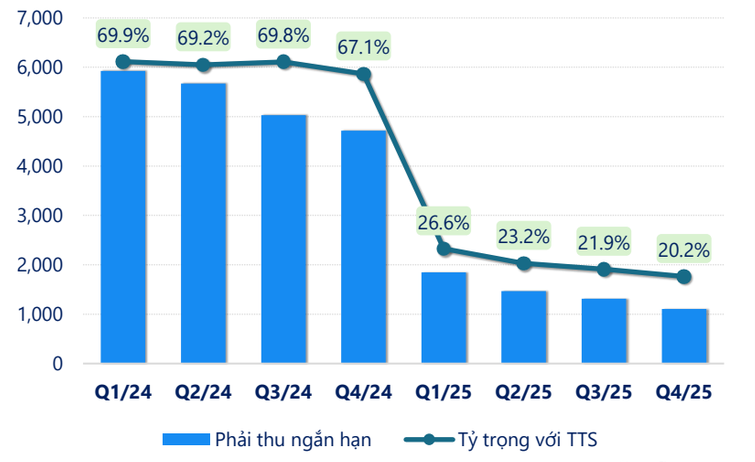

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

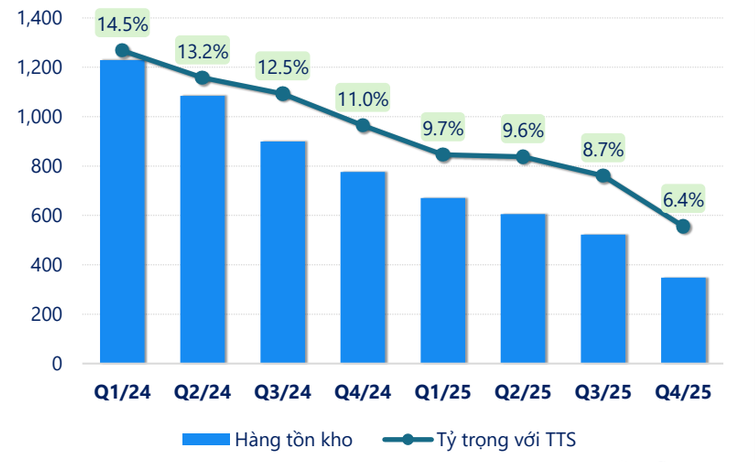

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

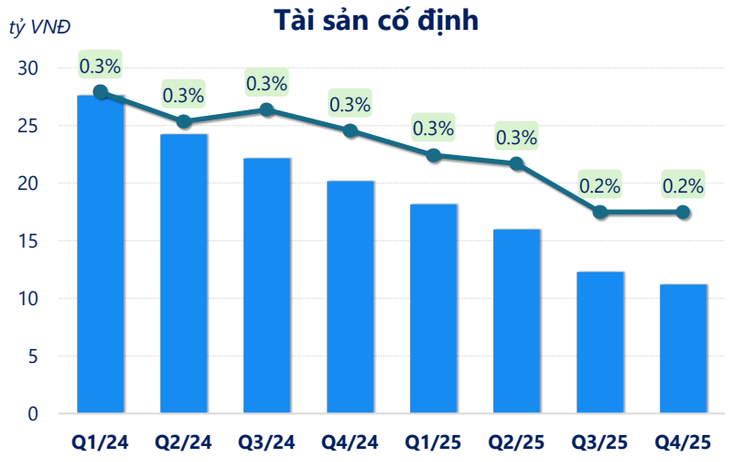

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

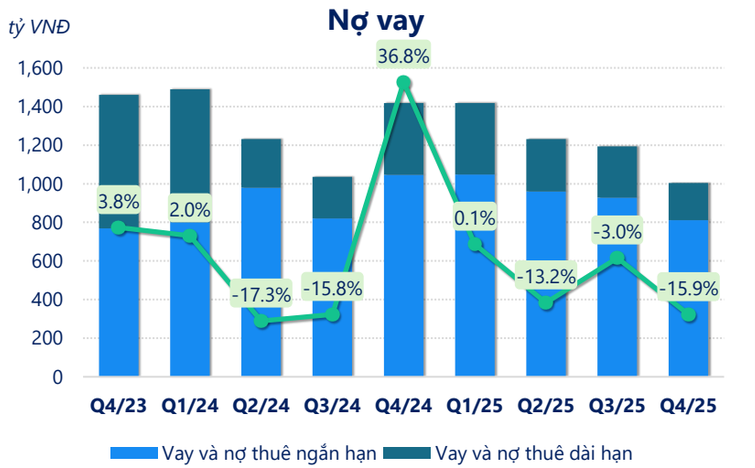

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

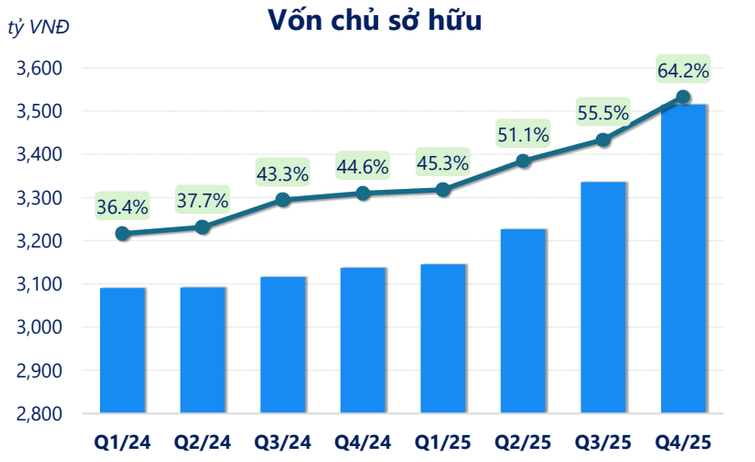

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

Kết quả kinh doanh

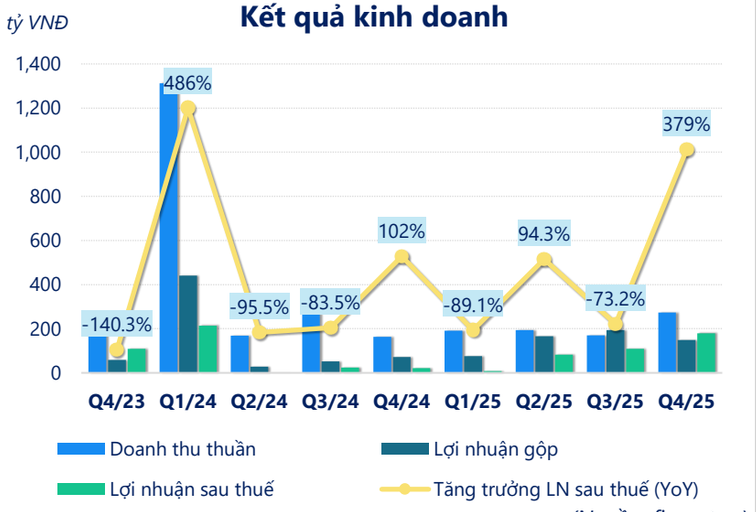

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

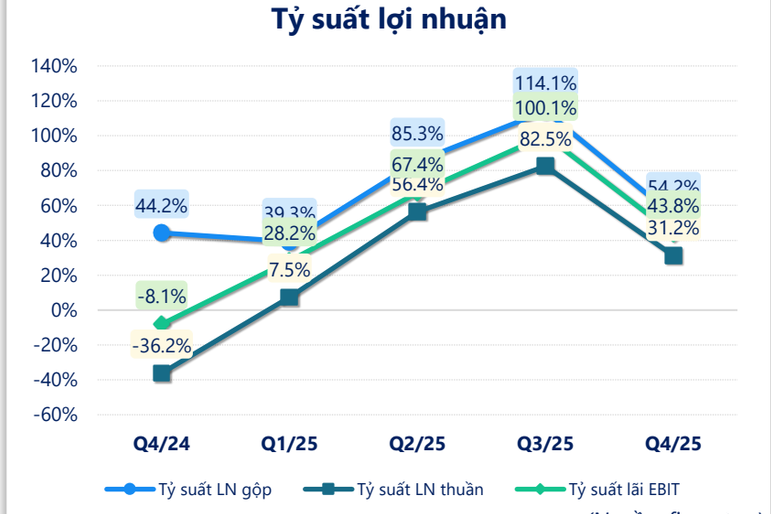

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

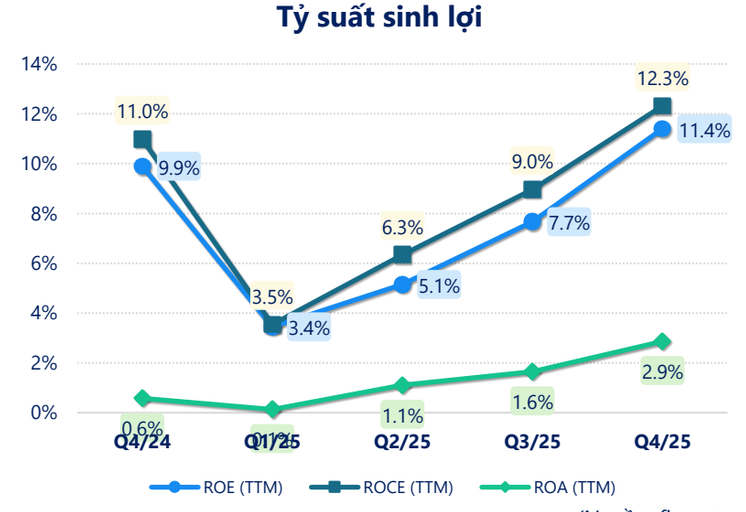

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

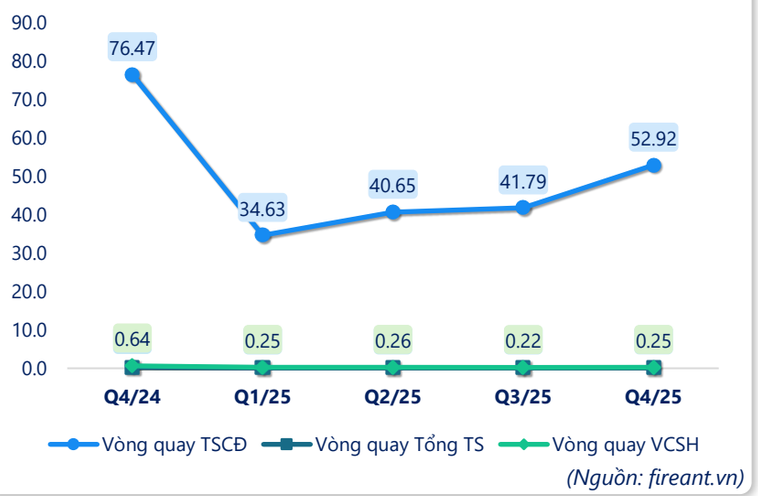

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

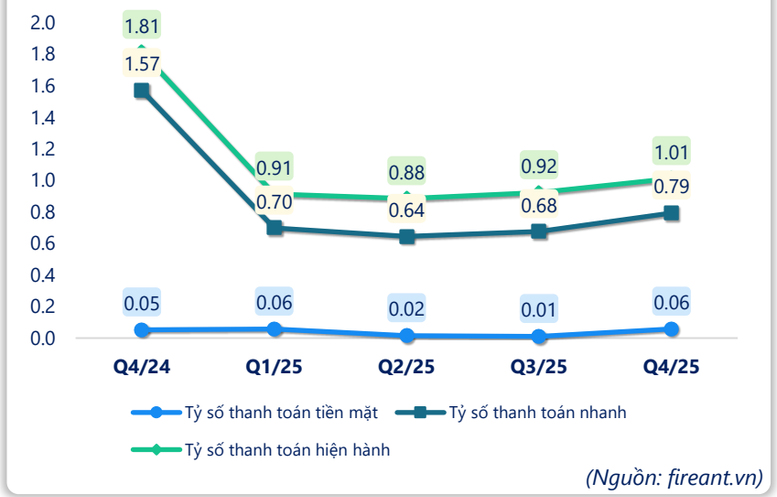

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

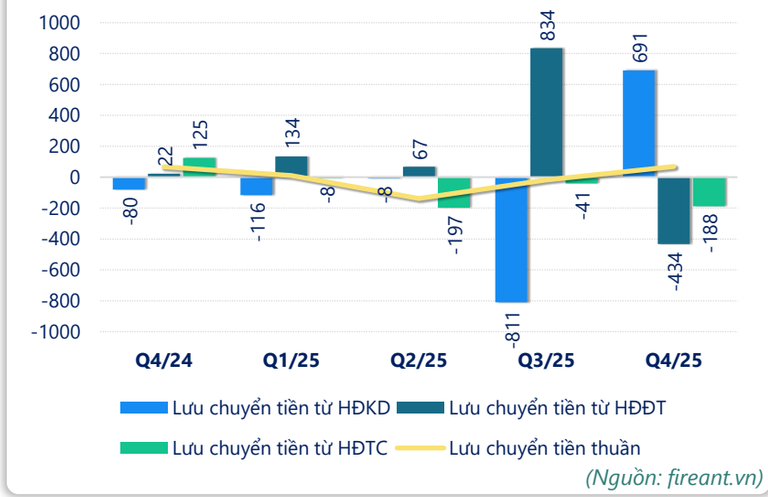

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,477**	**7,035**	**-22.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,610	5,819	-72.3%
Tiền và tương đương tiền	90.8	167	-45.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.1	30.1	-26.6%
Phải thu ngắn hạn	1,104	4,717	-76.6%
Hàng tồn kho	348	776	-55.2%
Tài sản ngắn hạn khác	45.5	128	-64.5%
Tài sản dài hạn	**3,867**	**1,216**	**218%**
Phải thu dài hạn	3,817	1,087	251%
Tài sản cố định	11.2	20.2	-44.5%
Bất động sản đầu tư	22.9	31.8	-27.9%
Tài sản dở dang	0.72	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**14.8**	**77.6**	**-80.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,962	3,898	-49.7%
Nợ ngắn hạn	**1,591**	**3,211**	**-50.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	811	1,046	-22.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.4	286	-92.2%
Nợ dài hạn	371	688	-46.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	193	371	-48.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,515**	**3,137**	**12.0%**
Vốn chủ sở hữu	**3,515**	**3,137**	**12.0%**
Vốn điều lệ	1,625	1,625	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	163	192	194	170	273
Giá vốn hàng bán	91.0	116	28.5	-24.0	125
Lợi nhuận gộp	72.2	75.4	165	194	148
Doanh thu HĐTC	72.6	32.2	29.3	21.2	27.3
Chi phí TC	159	46.8	40.1	34.3	27.2
Chi phí lãi vay	38.4	34.4	25.4	27.9	26.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	29.9	27.9	26.5	25.7	43.7
Chi phí QLDN	15.2	18.6	18.7	15.1	19.2
LN thuần từ HĐKD	-59.0	14.3	109	141	85.2
Lợi nhuận khác	7.40	5.33	-4.17	2.07	7.76
LN trước thuế	-51.6	19.6	105	143	93.0
Lợi nhuận sau thuế	21.1	8.07	82.3	109	179
LNST của CĐ cty mẹ	47.5	10.3	80.6	109	179

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-80.1	-116	-7.73	-811	691
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.0	134	66.6	834	-434
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	125	-7.61	-197	-40.9	-188
Tiền đầu kỳ	100	167	178	39.4	22.0
Lưu chuyển tiền thuần	**66.8**	**10.5**	**-138**	**-17.3**	**68.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	167	178	39.4	22.0	90.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic